

BÙI MẠNH NHỊ (Chủ biên)  
HỒ QUỐC HÙNG - NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP

# VĂN HỌC DÂN GIAN

## NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

TSKH. BÙI MẠNH NHỊ (Chủ biên)  
TS. HỒ QUỐC HÙNG - NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP

**VĂN HỌC VIỆT NAM  
VĂN HỌC DÂN GIAN  
NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU**

*(Tái bản lần thứ tư)*

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC**

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong chương trình văn học ở trường phổ thông, cao đẳng và đại học, Văn học dân gian chiếm một vị trí quan trọng và một thời lượng đáng kể. Thực tế giảng dạy và học tập cho thấy, ngoài sách giáo khoa, giáo trình, giáo viên và học sinh, sinh viên cần có thêm những tài liệu tham khảo thiết thực và bổ ích về tác phẩm và về các công trình nghiên cứu. Cuốn sách này là một trong những tài liệu nhằm đáp ứng nhu cầu bức thiết đó.

Cuốn sách bước đầu chọn lọc, tập hợp một số trong rất nhiều công trình nghiên cứu về những vấn đề lí luận chung cũng như về những vấn đề cụ thể của từng thể loại, đề tài, tác phẩm, nhân vật, cách tiếp cận văn học dân gian... Những công trình này đều được dư luận đánh giá tốt. Ở đây, có những bản dịch, bài viết lần đầu tiên được công bố ở Việt Nam. Nhóm biên soạn cũng tập hợp một số bài phân tích tác phẩm cụ thể, để bạn đọc tìm những gợi ý về phương pháp phân tích tác phẩm văn học dân gian nói chung và tác phẩm của một số thể loại nói riêng. Ngoài ra, nhóm biên soạn còn giới thiệu danh mục các công trình nghiên cứu khác để bạn đọc tham khảo thêm.

Văn học dân gian là một hiện tượng vừa có tính dân tộc, vừa có tính quốc tế. Vì vậy, bên cạnh những công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước, chúng tôi giới thiệu thêm một số công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài để bạn đọc so sánh, tham khảo.

Các bài trong cuốn sách được viết và dịch bởi những tác giả khác nhau, vào những thời điểm khác nhau. Tôn trọng tính lịch sử của các tư liệu, trong bản thảo, chúng tôi giữ nguyên cách phiên âm tên người, tên tác phẩm và thuật ngữ của các tác giả, dịch giả.

Đây là cuốn sách nằm trong bộ sách tham khảo (Văn học Việt Nam – Tuyển những tác phẩm hay và Tuyển những công trình nghiên cứu) mà Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh đang tích cực chủ động triển khai nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn văn.

Cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp xây dựng của bạn đọc.

TM. NHÓM BIÊN SOẠN  
Tiến sĩ BÙI MẠNH NHỊ

# MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU

MỤC LỤC

<b>PHẦN I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VĂN HỌC DÂN GIAN</b>	
Các quan niệm về folklore ( <i>folklore là gì ? Là văn học dân gian ? Là nghệ thuật dân gian ? Là văn hóa dân gian ? Là... ?</i> )	8
- Đặc trưng của phônclo ( <i>V.Ia.Prôp</i> )	17
- Phônclo và thực tại ( <i>V.Ia.Prôp</i> )	34
- Nghiên cứu truyện dân gian Đông Nam Á (Bằng Motif và Type) ( <i>Nguyễn Tấn Đắc</i> )	50
- Về phương pháp so sánh trong nghiên cứu văn hóa dân gian ( <i>Chu Xuân Diên</i> )	60
<b>PHẦN II. MỘT SỐ THỂ LOẠI VÀ TÁC PHẨM</b>	
- Thần thoại là gì ? ( <i>E.M.Mêlêtinxki</i> )	74
- Thần thoại và thần thoại Việt Nam ( <i>Chu Xuân Diên</i> )	78
- Thần thoại Ấn Độ ( <i>Lưu Đức Trung</i> )	82
- Thần thoại Hy Lạp ( <i>Nguyễn Văn Khỏa</i> )	88
- Môtíp sáng tạo vũ trụ trong sử thi "Đề đất đẻ nước" ( <i>Đặng Thái Thuyên</i> )	92
- Về truyện "Quả bầu mẹ" ở Việt Nam ( <i>Đặng Nghiêm Vạn</i> )	105
- Truyện "Sơn Tinh, Thủy Tinh" dưới mắt các nhà nghiên cứu ( <i>Nguyễn Xuân Kính</i> )	116
- Người anh hùng làng Dóng ( <i>Cao Huy Đình</i> )	126
- Truyền thuyết anh hùng trong thời kì phong kiến ( <i>Kiều Thu Hoạch</i> )	139
- Tìm hiểu quan hệ giữa thần thoại, truyền thuyết và điển xưng tín ngưỡng phong tục ( <i>Nguyễn Khắc Xương</i> )	153
- Sự hình thành nhóm truyền thuyết mang chủ đề giành đất của người Việt trên một vùng đất mới ( <i>Hồ Quốc Hùng</i> )	162
- Một số quan niệm về sử thi ( <i>Đỗ Hồng Kỳ</i> )	174
- Những đặc điểm nghệ thuật của sử thi anh hùng ( <i>Võ Quang Nhơn</i> )	184
- "Đề đất đẻ nước" bản sử thi đầu tiên của nền văn học Việt - Mường ( <i>Phan Ngọc</i> )	192

- Những nét loại hình của "Bài ca chàng Đam San" như là một tác phẩm anh hùng ca	(Hoàng Ngọc Hiến)	198
- Truyện cổ tích	(Chu Xuân Diên)	204
- Nhân vật lí tưởng và cốt truyện của truyện cổ tích thần kì	(Nguyễn Tấn Phát - Bùi Mạnh Nhị)	208
- Nhân vật xấu xí mà có tài trong truyện cổ tích các dân tộc Việt Nam	(Nguyễn Thị Huệ)	218
- Về truyện "Cây khế"	(Chu Xuân Diên)	226
- Hướng dẫn tìm hiểu truyện "Cây khế"	(Đỗ Bình Trị)	227
- Về truyện "Tấm Cám"	(Đình Gia Khánh)	230
- Hướng dẫn tìm hiểu truyện "Tấm Cám"	(Đỗ Bình Trị)	235
- Truyện cười và việc phân tích truyện cười	(Đỗ Bình Trị)	241
- Tục ngữ	(Bùi Mạnh Nhị)	254
- Tục ngữ Việt Nam và các hình thể ngôn từ	(Hoàng Trinh)	261
- Tìm hiểu về câu đố Việt Nam	(Ninh Viết Giao)	268
- Tính địa phương, đặc trưng cơ bản của thi pháp thể loại về	(Vũ Tố Hào)	288
- Những hình thức ca hát của hát ví	(Mã Giang Lân - Nguyễn Đình Bưu)	297
- Những yếu tố trùng lặp trong ca dao trữ tình	(Đặng Văn Lung)	306
- Công thức truyền thống và đặc trưng cấu trúc của ca dao - dân ca trữ tình	(Bùi Mạnh Nhị)	317
- Tìm hiểu nguồn gốc biểu tượng trong ca dao Việt Nam	(Nguyễn Thị Ngọc Diệp)	328
- Vài nét về nội dung ca dao - dân ca Nam Bộ	(Nguyễn Tấn Phát)	342
- Những bài ca hay nhất thế gian	(Bùi Mạnh Nhị)	365
- Hề chèo	(Hà Văn Cầu)	369
- Đặc điểm của chèo dân gian truyền thống (chèo sân đình)	(Hoàng Tiến Tựu)	379
- Về tướng đồ	(Lê Ngọc Cầu - Phan Ngọc)	386
TƯ LIỆU ĐỌC THÊM (Dành cho sinh viên)		396

PHẦN I

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG  
VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU  
VĂN HỌC DÂN GIAN**

## CÁC QUAN NIỆM VỀ FOLKLORE

(FOLKLORE LÀ GÌ ? LÀ VĂN HỌC DÂN GIAN ?  
LÀ NGHỆ THUẬT DÂN GIAN ? LÀ VĂN HÓA DÂN GIAN ? LÀ...?)

Thuật ngữ *folklore* (*Folk* = dân chúng, nhân dân; *lore* = tri thức, trí khôn) lần đầu tiên được nhà khoa học người Anh là William J. Thoms sử dụng trong một bài báo nhỏ trên tạp chí "The Atheneum" xuất bản ở Luân Đôn năm 1846. Có lẽ, chính W.J.Thoms cũng không ngờ rằng ông đã đặt cột mốc đầu tiên cho việc xác định một đối tượng và con đường hình thành khoa học về đối tượng đó. Hơn một thế kỉ rưỡi đã trôi qua, các nhà nghiên cứu, các trường phái khoa học ở nhiều nước vẫn chưa có quan niệm thống nhất về *folklore*. Đã và chắc sẽ còn có nhiều cuộc tranh luận về vấn đề này. Điều ấy chứng tỏ thêm rằng *folklore* là hiện tượng đầy sức sống, phức tạp một cách thú vị và nó luôn thuộc những vấn đề nằm ở "trung tâm cuộc thảo luận về con người và thế giới của nó".

Chúng tôi trích dẫn một số quan niệm về *folklore*, thể hiện các xu hướng học thuật khác nhau trên thế giới.

### W.J.THOMS

*Folklore* dùng để chỉ những di tích của nền văn hóa vật chất và chủ yếu là những di tích của nền văn hóa tinh thần của nhân dân có liên quan với nền văn hóa vật chất như phong tục, đạo đức, việc cúng tế, dị đoan, ca dao, cách ngôn của các thời trước.

(Trích theo Ngô Đức Thịnh (chủ biên) : *Quan niệm về folklore*, NXB KHXH, 1990, tr. 39)

### CH.S.BURNE

*Folklore* gồm :

#### I. Tín ngưỡng và thực hành tín ngưỡng

1) Đất và trời. 2) Giới thực vật. 3) Giới động vật. 4) Sự tồn tại của con người. 5) Các đồ vật do con người làm ra. 6) Linh hồn và thế giới hư

vô. 7) Đấng tối cao (trời, thần linh...). 8) Định mệnh và tiên đoán. 9) Nghệ thuật, ma thuật. 10) Bệnh tật và cách chữa chạy.

## II. Phong tục tập quán

1) Những thiết chế xã hội và chính trị. 2) Nghi thức sinh hoạt cá nhân. 3) Công việc và sản xuất. 4) Ngày lễ, lịch tiết. 5) Trò chơi, nhảy múa, văn nghệ và giải trí.

## III. Văn xuôi, bài hát và châm ngôn

1) Truyện kể: a- Được coi như truyện thật, nghĩa là các thần thoại, huyền thoại, anh hùng ca, xaga; b- Dùng để giải trí (các truyện cổ với tất cả các dạng khác nhau). 2) Dân ca và balát. 3) Tục ngữ, ngạn ngữ. 4) Đồng dao, v.v...

(Sách đã dẫn, tr. 41, 42)

## M. BARBEAU

Khi nào một bài hát ru được hát để ru con, khi nào một câu hát, một câu đố, một câu trẹo lưỡi, một câu đố mà trẻ con dùng chơi trong nhà trẻ hay ở trường;

Khi nào người ta kể những câu tục ngữ, cách ngôn, ngụ ngôn, truyện người khờ, truyện dân gian, truyện hài bên lò sưởi;

Khi nào theo tập quán hay ý thích dân chúng say sưa với ca hát, nhảy múa, những trò chơi cổ, hội hè để đánh dấu năm mới hoặc những lễ hội thường lệ;

Khi nào người mẹ dạy con gái khâu vá, đan lát, xe chỉ, dệt vải, thêu thùa, làm khăn trải giường, viền khăn quàng, nướng một chiếc bánh làm theo kiểu cổ truyền;

Khi nào người nông dân đứng trên mảnh đất của cha ông luyện cho con trai mình theo cung cách quen thuộc từ xưa hoặc bày cho chúng cách nhìn trăng, nhìn gió để đoán biết thời tiết lúc gieo hạt hay gặt hái;

Khi nào một người thợ thủ công ở làng thợ mộc, thợ chạm, thợ giấy, thợ đóng thùng, thợ rèn, thợ đóng thuyền gỗ - luyện cho người học nghề của mình cách sử dụng các công cụ, bày cho họ cách đục một lỗ mộng và đóng mộng vào, cách dựng một căn nhà gỗ hay kho thóc, cách buộc dép đi tuyết, cách rèn một cái xẻng, cách đóng móng ngựa hay cách xén lông cừu;

Khi nào trong nhiều nghề nghiệp mà hiểu biết kinh nghiệm, trí tuệ, kĩ xảo, những tập quán và thực hành của quá khứ được truyền lại từ thế



hệ cũ đến thế hệ mới bằng cách làm mẫu hay bằng lời nói mà không phải dùng đến sách vở, ấn phẩm và thầy giáo ở trường;

Thì khi đó chúng ta có folklore trong lĩnh vực lâu đời của chính mình, vẫn diễn ra như xưa nay sống động và di chuyển luôn luôn, có thể thấu nhận và tiêu hóa những yếu tố mới trên đường đi của nó. Nó là cái đã cũ kĩ rồi, có lẽ đầu đã hoa râm hoặc bạc trắng đang nhanh chóng rời bỏ thành trì xưa kia của nó do tác động của tiến bộ hiện đại và công nghiệp; nó là kẻ thù bẩm sinh của con số từng chuỗi, sản phẩm hàng loạt và tiêu chuẩn.

Ở thế kỉ trước, hoặc vào quãng đó, những người có học đã thu thập, phân loại và nghiên cứu một số lượng lớn tư liệu về truyền thống dân gian. Họ được gọi là những nhà nghiên cứu văn hóa dân gian. Tùy theo khả năng và sở thích của mình, họ đã chuyên môn hóa về nhiều mặt khác nhau trong lĩnh vực đã chọn, một số người chuyên về truyện cổ hoặc dân ca, một số người chuyên về nghề thủ công, những người khác thì chuyên về tín ngưỡng và phong tục, cho đến nay xu hướng của họ đã hạn chế hơn là để cho công việc nghiên cứu của mình mở rộng hết sức theo tầm cỡ tự nhiên của nó.

Còn nhiều điều phải làm trong việc nghiên cứu nghệ thuật dân gian và các nghề thủ công. Và ngay cả việc định nghĩa bản thân từ folklore cũng phải được mở rộng để có thể bao quát được các hình thức nhà cửa, chạm khắc, tạc tượng, chế tác kim loại - sắt, thiếc, đồng, bạc, vàng - tập quán đan dệt và nghệ thuật nội trợ cổ xưa. Ngay cả những tài liệu viết và tư liệu trong các kho lưu trữ có thể thuộc về cả folklore cũng như thuộc về lịch sử, ví dụ những tài liệu và tư liệu có liên quan đến hoạt động của các phường hội cổ, công việc của các xưởng thủ công và các trường dạy nghề truyền thống. Và cánh cửa vẫn mở rộng cho việc nghiên cứu so sánh về thu hoạch của folklore đã xem xét ở dạng tổng thể và trong các chi nhánh của nó, là vì tất cả cái đó tạo thành một bộ phận văn hóa của con người từ quá khứ xa xôi cho đến tận ngày nay.

(Sách đã dẫn, tr. 43-45)

## A. POVINA

Folklore biểu thị tất cả lĩnh vực tri thức của dân gian, những quan điểm về khoa học, triết học, tôn giáo, nghệ thuật và đạo đức của nhân dân...

Về phương diện thuật ngữ, cần cho rằng folklore học (folklogie) là khoa học chung nghiên cứu folklore trong toàn bộ khối lượng thành tố

của nó. Bộ môn khoa học này phải được phân chia thành những nhóm nhỏ: 1) Lí luận folklore (folkosophie). 2) Folklore miêu tả (folkographie), và 3) Folklore xã hội học (folklosociologie).

(Sách đã dẫn, tr. 67)

## TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA TOÀN THƯ ANH, 1964

Folklore là tên gọi chung, thống nhất của những tín ngưỡng, truyền thống, thiên kiến, đạo lí, nghi lễ, mê tín dị đoan của dân gian. Những câu chuyện cổ, những bài tình ca, dân ca và những câu tục ngữ đều nằm trong khái niệm này, và nhờ vào việc mở rộng ý nghĩa của khái niệm này mà ngày nay, nó bao gồm cả những yếu tố của văn hóa vật chất mà ban đầu nó không tính đến.

(Sách đã dẫn, tr. 67, 68)

## P.SEBILLOT

Folklore là một kiểu bách khoa toàn thư của truyền thống tín ngưỡng, tập quán của mọi tầng lớp nhân dân hoặc của một dân tộc trong quá trình tiến triển. Nó là sự bổ sung tương hỗ của văn học truyền miệng và văn học viết. Nó được biểu hiện trong việc nghiên cứu thời tiền sử, so sánh với tình trạng xã hội đương thời của các bộ lạc trong quá trình tiến đến những thời kì đầu tiên của lịch sử loài người. Folklore được bảo lưu ít nhiều cho đến ngày nay, đến những con người văn minh và tâm hồn của những con người xa xưa đã và đang được chúng ta nghiên cứu.

(Sách đã dẫn, tr. 71)

## TỪ ĐIỂN HACHETTE (Pháp)

Folklore là :

- Toàn bộ những nghệ thuật, phong tục và truyền thống dân gian.
- Khoa học nghiên cứu nghệ thuật dân gian, phong tục và truyền thống dân gian.

(Sách đã dẫn, tr. 77)

## TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA TOÀN THƯ PHÁP, 1984

Cũng như ngôn ngữ, folklore là một di sản tập thể. Trường nghiên cứu rộng lớn này hàm chứa những nghi lễ, tín ngưỡng, kĩ thuật của nghề thủ công và nghệ thuật dân gian.

(Sách đã dẫn, tr. 79)

## TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA TOÀN THƯ MILAN, 1963 (Ý)

Folklore là một ngành của dân tộc học, nghiên cứu những truyền thống, tập tục được truyền miệng trong dân gian.

*(Sách đã dẫn, tr. 79)*

### V.E.GUXÉV

Ở các nước XHCN thuật ngữ “folklore” không phải chỉ biểu thị thi ca truyền miệng mà là toàn bộ lĩnh vực sáng tác nghệ thuật dân gian vẫn còn sống động trong cuộc sống của dân tộc, như một tổng thể các hiện tượng của nền văn hóa tinh thần. Ở đây có cả hai đặc tính lớn : biểu hiện xã hội của hiện tượng (sáng tác của quần chúng) và đặc tính của nó (sáng tác nghệ thuật tập thể).

Folklore tồn tại như một tổng thể, như một lĩnh vực văn hóa tương đối độc lập với những nét độc đáo và các quy luật phát triển riêng.

Tất nhiên, mỗi một nhân tố của folklore có thể trở thành đối tượng nghiên cứu của các ngành riêng biệt, yếu tố ngôn ngữ – ngành nghiên cứu văn học, yếu tố âm nhạc – ngành nghiên cứu âm nhạc, yếu tố diễn xuất – ngành nghiên cứu sân khấu, v.v...

Song vẫn tồn tại folklore như một chỉnh thể, như một bộ phận độc lập của văn hóa với những đặc trưng riêng và những quy luật phát triển có giá trị độc lập nhất định và nó sẽ xứng đáng được nghiên cứu đặc biệt như là một hiện tượng phức tạp, tổng hợp.

*(Sách đã dẫn, tr. 90)*

### K.V.TRIXTOV

Folklore – một trong những thành phần quý giá nhất trong nền văn hóa của mỗi dân tộc. Sự chọn lọc qua hàng thế kỉ, nhờ hàng trăm ngàn người thương thức và biểu diễn đã đảm bảo cho sự tồn tại lâu dài của nó trong truyền thống của những bài hát, truyện cổ, truyền thuyết, những tác phẩm phản ánh đặc biệt sinh động những thị hiếu nghệ thuật, lí tưởng, hi vọng, khát vọng, cuộc sống và tâm hồn của nhân dân.

Folklore không những chỉ được những nhà nghiên cứu văn học, sử học, quan tâm mà còn có cả những nhà dân tộc học, thổ nhưỡng học, âm nhạc, sân khấu, v.v... nghiên cứu nữa.

Cái quan trọng nhất của folklore là giá trị nghệ thuật của nó. Đồng thời folklore là bằng chứng hùng hồn về vai trò quan trọng của quần chúng nhân dân trong lịch sử văn hóa tinh thần của nhân loại.

(Sách đã dẫn, tr. 90-91)

## N.I.KRAVTXOV

Khoa học Xô Viết hiểu thuật ngữ "folklore" không phải là biểu thị toàn bộ nền nghệ thuật dân gian mà chỉ là văn học dân gian truyền miệng; để biểu thị loại hình nghệ thuật này, người ta dùng thuật ngữ "folklore" mà không cần tân ngữ văn học (văn học folklore). Đối với dạng nghệ thuật dân gian khác, ví dụ âm nhạc, người ta lại dùng thuật ngữ "âm nhạc folklore".

(Sách đã dẫn, tr. 93)

## TỔNG BÁCH KHOA TOÀN THƯ XÔ VIẾT, 1974

Folklore là sáng tác dân gian, hoạt động nghệ thuật của nhân dân lao động. Đó là thơ ca, âm nhạc, sân khấu, múa dân tộc, kiến trúc, nghệ thuật trang trí thực hành, hội họa được nhân dân sáng tạo ra và sống trong nhân dân. Trong sáng tác nghệ thuật tập thể, nhân dân đã phản ánh cuộc sống lao động, sinh hoạt xã hội, kiến thức về cuộc sống, thiên nhiên, tín ngưỡng và nghi lễ. Sáng tác dân gian vốn được hình thành trong lòng xã hội, trong thực tế lao động, đã phản ánh quan niệm, tư tưởng, khát vọng của nhân dân, phản ánh sức tưởng tượng nghệ thuật, thế giới phong phú của tư duy, tình cảm và những suy tư dấn vật, phản đối ách thống trị và bóc lột, phản ánh ước mơ về công bằng và hạnh phúc.

Mang trên mình kinh nghiệm ngàn năm của quần chúng nhân dân, sáng tác dân gian được đặc trưng bởi sự thấm nhuần nghệ thuật sâu sắc, những hình ảnh chân thực và sức mạnh bao quát nghệ thuật.

Những hình ảnh, nhịp điệu, mô típ, hình thức hết sức phong phú của sáng tác dân gian đã xuất hiện trong sự thống nhất biện chứng giữa sáng tác riêng (mặc dù không rõ tác giả) và sáng tác nghệ thuật tập thể. Tập thể sáng tác trải qua hàng thế kỷ đã được lựa chọn, hoàn chỉnh và làm giàu thêm những tầng lớp nghệ nhân sáng tác mới. Tính kế thừa đó bền vững trong truyền thống nghệ thuật... kết hợp với tính nhiều dạng, sự phong phú của truyền thống trong các tác phẩm riêng biệt. Tính tập thể của sáng tác dân gian tạo nên tầng vững chắc và

truyền thống không bao giờ chết, được biểu hiện trong quá trình tạo dựng tác phẩm hay dạng tác phẩm.

(Sách đã dẫn, tr. 95-96)

## ĐÌNH GIA KHÁNH

Văn hóa dân gian (folklore) được quan niệm rất khác nhau trong giới nghiên cứu văn hóa dân gian quốc tế. Theo chúng tôi, văn hóa dân gian bao gồm toàn bộ văn hóa tinh thần (culture intellectuelle) của nhân dân được tiếp cận dưới giác độ thẩm mỹ (approche esthétique). Như vậy văn hóa dân gian bao gồm chủ yếu là văn nghệ dân gian được nhận thức trong mối quan hệ hữu cơ và nguyên hợp (organique et synchrétique) với toàn bộ hoạt động thực tiễn của nhân dân và mặt khác lại bao gồm cả mọi hiện tượng trong hoạt động thực tiễn này mà còn chứa đựng cảm xúc thẩm mỹ.

(Ý nghĩa văn hóa, xã hội và chính trị của việc nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian --Tài liệu của Thư viện Viện văn hóa dân gian, 1982, tr. 5)

## TRẦN QUỐC VƯỢNG

1. Không hiểu tính chất folklorique làm sao mà hiểu nổi dân tộc tính Việt Nam... Cái nói lên bản sắc dân tộc là văn hóa dân gian. Và người Việt Nam, trên đường đi tìm căn cước (identité) của chính mình thì bắt buộc trở về với dân gian, phải "tắm nhân dân" (Bain du peuple).

Bảng giá trị dân tộc về căn bản là bảng giá trị dân gian. Yêu nước gắn liền với thương dân là một hằng số, một nét trội vượt của đạo đức Việt Nam.

2. Bao giờ còn Dân thì bấy giờ cũng còn Folklore, "Dân vạn đại" thì Folklore cũng "vạn đại".

Vậy : không nên, không thể dừng việc nghiên cứu folklore ở một thời điểm không định nào.

Nói Folklore Việt Nam là nói tổng thể mọi sáng tạo, mọi thành tựu văn hóa của dân gian ở mọi nơi, trong mọi thời, của mọi thành phần dân tộc đang hiện tồn trên lãnh thổ Việt Nam. Nó có thể là một ngôi đền, một cái đình mà cũng có thể là một mẫu huyền thoại hay một câu chuyện thần kì. Nó có thể là một cái lư hương gốm sứ cổ; một cỗ kiệu sơn son thếp vàng ngày xưa mà cũng có thể là một câu tục ngữ cổ, một khúc dân ca... Sáng tạo dân gian bao trùm mọi lĩnh vực đời sống, từ đời sống làm

ăn thường ngày (ăn, mặc, ở, đi lại) đến đời sống vui chơi (thể thao dân gian, võ, vật, đánh cầu, hát phết), hát hò (hát đò đua, hò giã gạo, đúm, ví, xoan, ghẹo), đến đời sống tâm linh (giỗ, tết, lễ hội).

Việc nghiên cứu Folklore Việt Nam càng quan trọng hơn nhiều nơi khác, một là vì nó còn tồn đọng lâu hơn nơi khác (khi ta chưa thoát ra khỏi xã hội nông nghiệp truyền thống) và hơn nữa là vì, do tính chất yếu kém của mọi giai tầng thống trị Việt Nam xưa nay, cái nói lên bản chất và thực chất của nền văn hóa - văn minh Việt Nam là văn hóa dân gian, văn minh thôn dã.

(Folklore Việt Nam: trữ lượng và viễn cảnh.  
Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật, số 5, (94),  
1990, tr. 76-77).

## CHU XUÂN DIÊN

Folklore (phônclô) thuật ngữ phiên âm từ tiếng Anh (folklore = sự hiểu biết của nhân dân, trí tuệ của nhân dân) thường được dùng song song với thuật ngữ "*văn học dân gian*".

Thuật ngữ phônclô ít được dùng ở Việt Nam, nhưng lại phổ biến ở nhiều nước. Khi nhà nhân chủng học người Anh là Uyliam Giôn Tôm đưa ra dùng lần đầu tiên (1846) thì thuật ngữ này có một nội dung rộng; đôi khi chỉ cả những di tích của nền văn hóa vật chất, nhưng chủ yếu là những di tích của nền văn hóa tinh thần của nhân dân như "phong tục, đạo đức, việc cúng tế, ca dao, truyện cổ tích, cách ngôn ... của các thời trước". Theo cách hiểu này thì văn học dân gian nằm trong phônclô. Cho đến nay cách dùng thuật ngữ phônclô theo nghĩa rộng như vậy vẫn còn thấy phổ biến trong khoa học của một số nước, như Anh, Pháp, Mỹ. Đồng thời ở một số nước khác, như Liên Xô, đã có khuynh hướng muốn thu hẹp nghĩa của thuật ngữ phônclô, dùng thuật ngữ này chỉ để nói về những sáng tạo nghệ thuật của nhân dân như văn học, âm nhạc, múa ... trong đó chủ yếu là những sáng tạo nghệ thuật ngôn từ, tức văn học dân gian. Trong trường hợp này, thuật ngữ phônclô được dùng theo nghĩa tương đương với thuật ngữ *văn học dân gian*. Như vậy, để chỉ những sáng tạo nghệ thuật ngôn từ của nhân dân, tuy đã có những thuật ngữ "*văn học dân gian*", "*văn học truyền miệng*" nhưng nhiều nhà khoa học vẫn dùng thuật ngữ phônclô (folklore), thậm chí lại có xu hướng dùng nhiều hơn bởi vì thuật ngữ này nói lên được rõ hơn mối quan hệ chặt chẽ giữa những sáng tạo nghệ thuật ngôn từ với những sáng tạo tinh thần khác trong nền văn hóa tinh thần và xã hội của nhân dân, và do đó nêu lên được

rõ hơn mối quan hệ chặt chẽ giữa *khoa nghiên cứu văn học dân gian* (hay *khoa nghiên cứu phônclô*), không phải chỉ với *khoa nghiên cứu văn học* mà còn cả với *khoa dân tộc học* nữa.

(Từ điển văn học, T.2, NXB KHXH, 1984,  
tr. 222-223)

## **ĐỊNH NGHĨA FOLKLORE CỦA UNESCO**

Từ nhiều cuộc hội thảo, Hội đồng UNESCO thừa nhận rằng nội dung khái niệm folklore trong các truyền thống văn hóa, các bối cảnh văn hóa dân tộc và các quan niệm khoa học khác nhau là không giống nhau và khó có thể đưa ra được mẫu số chung. Tuy vậy, một xác định như sau về folklore đã được UNESCO khuyến nghị các quốc gia sử dụng (1987), dù rằng các thành viên có thể quan tâm đến nó theo cách của mình :

“Folklore (trong nghĩa rộng : văn hóa truyền thống được lưu truyền, phổ biến rộng của nhân dân) là sáng tác để định hướng cho một nhóm người nào đó và được hình thành theo truyền thống của các nhóm người, các thành viên, phản ánh sự chờ đợi, niềm hi vọng của cộng đồng trong những biểu hiện tương ứng với nó về nhận thức xã hội và văn hóa. Các quy tắc, giá trị của folklore được truyền đạt qua truyền miệng, mô phỏng hoặc bằng những con đường khác. Hình thức của nó là ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, trò chơi, thần thoại, phong tục, nghi lễ, nghề thủ công, kiến trúc và các loại nghệ thuật khác”.

(Dẫn theo B.N.Puchilov, trong cuốn *Folklore và văn hóa dân gian*, NXB Khoa học, X.Pêtecubua, 1994, tr.18, Bùi Mạnh Nhị dịch)

# ĐẶC TRƯNG CỦA PHÔNCLÔ

V. I. A. PRÔP

## I. Bản chất xã hội của phônclô

... Phônclô đã có từ rất sớm, trước khi tầng lớp nông dân xuất hiện trong lịch sử. Với cách nhìn lịch sử chúng ta phải nói rằng đối với các xã hội trước khi có giai cấp thì sáng tác của toàn xã hội là phônclô. Toàn bộ sáng tác thơ ca của các xã hội nguyên thủy đều là phônclô và đều là đối tượng của khoa học về phônclô. Đối với các dân tộc đã tiến sang giai đoạn phát triển xã hội có giai cấp thì chúng ta coi phônclô là sáng tác của tất cả các tầng lớp dân chúng trừ tầng lớp thống trị, sáng tác của tầng lớp này thuộc về lĩnh vực văn học. Trong phônclô thì trước tiên phải kể đến sáng tác của các giai cấp bị trị như nông dân và thợ thuyền, nhưng cũng phải kể đến các sáng tác của các tầng lớp trung gian thường dễ bị rơi xuống những bậc thấp của xã hội. Như vậy, cũng có thể nói đến phônclô tiểu tư sản, nhưng không thể nói đến phônclô quý tộc.

... Khoa học về phônclô bao quát toàn bộ sáng tác của tất cả các dân tộc, bất kể những sáng tác ấy do người nước nào nghiên cứu. Phônclô là một hiện tượng có tính quốc tế.

Tất cả những điều đã trình bày ở trên đây cho phép chúng ta tổng hợp các luận điểm của chúng ta và phát biểu như sau : phônclô là sáng tác của các tầng lớp thấp của tất cả các dân tộc thuộc bất kì trình độ phát triển xã hội nào. Đối với các xã hội chưa có giai cấp, phônclô là sáng tác của toàn xã hội.

Đến đây, tất nhiên sẽ nảy ra vấn đề : như vậy thì phônclô là cái gì trong xã hội không còn giai cấp, trong những điều kiện thực tại xã hội chủ nghĩa của chúng ta ?

Là hiện tượng giai cấp, phônclô dường như phải mất đi. Song chính ngay văn học cũng là hiện tượng giai cấp, nhưng văn học không mất đi. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, phônclô mất đi những nét đặc trưng của loại sáng tác của các tầng lớp thấp trong xã hội, vì trong xã hội của chúng ta không có tầng lớp cao, tầng lớp thấp, mà chỉ có nhân dân. Vì vậy trong xã hội của chúng ta, phônclô trở thành tài sản của toàn dân theo ý nghĩa đầy đủ của những từ đó. Sẽ mất đi tất cả những gì không



còn phù hợp với nhân dân trong điều kiện xã hội mới. Cái còn lại sẽ trải qua những biến đổi sâu sắc về chất, xích lại gần với văn học. Những thay đổi đó như thế nào là điều chúng ta cần phải nghiên cứu để thấy rõ, song rõ ràng là phônclo thời đại tư bản chủ nghĩa và thời đại xã hội chủ nghĩa không thể giống nhau được.

## II. Phônclo và văn học

... Trước hết, chúng ta nhận thấy rằng phônclo là sản phẩm của một hình thức sáng tạo thơ ca đặc biệt. Nhưng văn học cũng là sáng tác thơ ca. Và thật vậy, giữa phônclo và văn học, giữa khoa học về phônclo và khoa học về văn học có những quan hệ hết sức chặt chẽ.

Trước hết văn học và phônclo có một phần giống nhau về mặt phân chia ra các loại và thể loại sáng tác. Đúng là có những thể loại chỉ có trong văn học mà không thể có trong phônclo (thí dụ như tiểu thuyết) và ngược lại có những thể loại chỉ có trong phônclo mà không thể có trong văn học (ví dụ như thể loại thần chú). Mặc dù vậy nhưng bản thân sự hiện diện của thể loại cũng như khả năng phân loại cả sáng tác văn học và sáng tác phônclo thành các thể loại, vẫn là những sự kiện thuộc lĩnh vực thi pháp. Do đó có một số cái chung trong một số nhiệm vụ nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của khoa học về văn học và khoa học về phônclo.

Một trong những nhiệm vụ của khoa học về phônclo là phân chia và nghiên cứu các phạm trù thể loại và từng thể loại riêng biệt, nhiệm vụ đó có tính chất nghiên cứu văn học.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất và khó khăn nhất của khoa học về phônclo là nghiên cứu những cấu trúc bên trong của tác phẩm, nói vắn tắt hơn, đó là việc nghiên cứu kết cấu, cấu tạo. Truyện cổ tích, sử thi, câu đố, bài hát, thần chú - tất cả những sáng tác ấy còn ít được nghiên cứu về mặt các quy luật cấu tạo, xây dựng tác phẩm. Trong lĩnh vực các thể loại tự sự, đó là việc nghiên cứu các nút, con đường diễn biến của cốt truyện, các cách mở nút, hay nói cách khác, là nghiên cứu những quy luật cấu tạo cốt truyện. Việc nghiên cứu cho thấy rằng các tác phẩm phônclo và văn học được xây dựng khác nhau, rằng phônclo có những quy luật cấu tạo riêng của nó. Để giải thích được tính quy luật riêng ấy thì khoa học về văn học không có hiệu lực, song để xác định tính quy luật riêng ấy thì lại chỉ có thể áp dụng các biện pháp phân tích văn học mới làm được.

Việc nghiên cứu các thủ pháp ngôn ngữ thi ca và phong cách cũng thuộc lĩnh vực này. Việc nghiên cứu các thủ pháp ngôn ngữ thi ca là một nhiệm vụ thực thụ thuộc khoa học về văn học. Ở đây, chúng ta lại thấy rằng phonclo có những thủ pháp riêng của nó (như đối sánh, lặp lại v.v...), hoặc ở phonclo, những thủ pháp ngôn ngữ thi ca thông thường (như so sánh, ẩn dụ...) đã có những nội dung khác hoàn toàn so với văn học. Để xác định điều đó, chỉ có thể bằng con đường phân tích văn học mới làm được.

Nói tóm lại, phonclo có thi pháp đặc trưng riêng của nó, khác với thi pháp của tác phẩm văn học. Việc nghiên cứu thi pháp của phonclo sẽ làm lộ rõ những vẻ đẹp khác thường của nó.

Như vậy, chúng ta thấy rằng giữa phonclo và văn học không những chỉ có mối quan hệ chặt chẽ, mà phonclo còn là một hiện tượng thuộc loại các hiện tượng văn học. Phonclo là một trong những loại hình sáng tác nghệ thuật.

Khoa học về phonclo khi nghiên cứu khía cạnh ấy của phonclo, với những yếu tố mô tả của nó, là một khoa học nghiên cứu văn học. Quan hệ giữa những khoa học ấy (khoa học về phonclo và khoa học nghiên cứu văn học) chặt chẽ đến nỗi giữa phonclo và văn học và giữa những khoa học nghiên cứu hai đối tượng ấy, ở nước ta thường không có sự phân biệt: phương pháp nghiên cứu văn học hoàn toàn được chuyển sang để nghiên cứu phonclo và dừng lại ở đó. Song như chúng ta đã thấy, việc phân tích văn học lại chỉ có thể xác định được các hiện tượng và tính quy luật của thi pháp phonclo chứ không có hiệu lực gì trong việc giải thích những hiện tượng và quy luật ấy.

Để tránh mắc một sai lầm tương tự như vậy, không những chúng ta chỉ cần xác định sự giống nhau giữa văn học và phonclo, mối quan hệ họ hàng và ở một mức độ nhất định, sự đồng nhất giữa chúng với nhau mà còn cần phải xác định những nét đặc trưng riêng biệt, sự khác nhau giữa văn học và phonclo. Thật vậy, phonclo có hàng loạt những nét đặc trưng phân biệt nó với văn học rõ ràng đến nỗi phương pháp nghiên cứu văn học không đủ sức giải quyết được tất cả các vấn đề liên quan đến phonclo.

Một trong những sự khác nhau quan trọng nhất là tác phẩm văn học nhất thiết bao giờ cũng có tác giả. Tác phẩm phonclo thì có thể không có tác giả, và đó cũng là một trong những đặc trưng của phonclo.

Vấn đề cần phải được đặt ra với mức độ rõ ràng và chính xác mà khả năng có thể cho phép. Hoặc là chúng ta công nhận có một thứ sáng tác dân gian với tính chất là một hiện tượng của đời sống lịch sử xã hội

và văn hóa của nhân dân, hoặc là chúng ta không công nhận có một thứ sáng tác dân gian như vậy và khẳng định rằng cái hiện tượng nghệ thuật hay hiện tượng khoa học ấy chỉ là một sự bịa đặt trong trí tưởng tượng mà thôi, và chỉ có sáng tác của cá nhân hoặc của một nhóm người là điều có thực.

Quan điểm của chúng ta là : sáng tác dân gian không phải là một hiện tượng do trí tưởng tượng bịa ra, mà một loại sáng tác như vậy đã tồn tại trong thực tế, và việc nghiên cứu nó là nhiệm vụ cơ bản của ngành nghiên cứu phonclo với tư cách là một ngành khoa học. Về mặt này, chúng ta đồng ý với những nhà khoa học trước đây của chúng ta như Ph.Buxlaep hay E.Mile. Điều mà khoa học trước kia chỉ mới cảm thấy bằng trực giác, chỉ mới phát biểu ra một cách hờn nhiên, một cách chưa chín muồi, một cách cảm tính hơn là khoa học, thì bây giờ cần phải được rũ sạch khỏi những sai lầm lãng mạn chủ nghĩa. Và được nâng lên tới những đỉnh cao thích đáng của nền khoa học hiện đại với những phương pháp chín chắn và những biện pháp chính xác.

Vốn được đào tạo theo những truyền thống nghiên cứu văn học, chúng ta thường chưa thể hình dung được tác phẩm thơ ca lại có thể nảy sinh ra một cách khác với cách mà ta vẫn thấy trong văn học do cá nhân sáng tác. Đối với chúng ta, mọi tác phẩm văn học phải do một người nào đó sáng tác ra hoặc khởi đầu sáng tác ra. Trong khi đó thì lại có khả năng có những phương thức ra đời hoàn toàn khác của tác phẩm thi ca, và việc nghiên cứu những phương thức này là một trong những vấn đề cơ bản và hết sức phức tạp của khoa học về văn học dân gian. Ở đây, không thể đề cập đến toàn bộ vấn đề này. Ở đây chỉ cần chỉ ra rằng về phương diện hình thành (sinh sản), phonclo không gắn gũi với văn học mà gắn gũi với ngôn ngữ, là một hiện tượng sáng tạo cũng không do một ai nghĩ ra, cũng không có tác giả. Phonclo nảy sinh và biến đổi hoàn toàn có tính quy luật và không phụ thuộc vào ý chí của con người, nó nảy sinh ở tất cả những nơi nào mà sự phát triển lịch sử của dân tộc tạo ra được những điều kiện phù hợp. Đối với chúng ta, có sự giống nhau trên toàn thế giới không phải là hiện tượng có vấn đề. Đối với chúng ta, không có sự giống nhau như vậy mới là điều khó giải thích nổi. Sự giống nhau nói lên tính quy luật, và sự giống nhau của các tác phẩm phonclo chỉ là một trường hợp riêng của tính quy luật lịch sử: từ sự giống nhau của hình thức sản xuất ra nền văn hóa vật chất dẫn đến sự giống nhau về thiết chế xã hội, đến sự giống nhau về công cụ sản xuất, và trong lĩnh vực ý thức, là sự giống nhau về các hình thức và phạm trù tư duy, quan niệm

tôn giáo, sinh hoạt nghi lễ, ngôn ngữ và phônclo. Tất cả những cái đó tồn tại, ước định lẫn nhau, biến đổi, phát triển lên và suy tàn đi.

Trở lại vấn đề, vậy thì bằng kinh nghiệm, chúng ta hình dung như thế nào về sự nảy sinh tác phẩm phônclo. Ở đây hãy chỉ nêu ra sự kiện là phônclo thoát đầu có thể là một thành phần của một hình thức nghi lễ. Khi hình thức nghi lễ ấy suy tàn hay mất đi thì phônclo tự tách ra và bắt đầu sống cuộc sống độc lập của nó. Đó chỉ là sự minh họa cho luận điểm chung. Muốn chứng minh thì chỉ có thể bằng con đường nghiên cứu cụ thể. Nhưng nguồn gốc nghi lễ của phônclo đã từng được làm sáng tỏ, chẳng hạn như qua sự nghiên cứu của A.N.Vêxêlôpxki vào những năm cuối đời của ông.

Sự khác nhau dẫn ra ở đây đã có tính chất nguyên tắc đến nỗi chỉ riêng nó cũng đủ phân biệt phônclo thành một loại hình sáng tác riêng biệt, và khoa học về phônclo thành một khoa học riêng biệt. Nhà nghiên cứu lịch sử văn học muốn nghiên cứu sự ra đời của tác phẩm thì đi tìm tác giả của tác phẩm ấy. Nhà nghiên cứu văn học dân gian thì dựa vào khối lượng lớn các tài liệu so sánh mà xác định được các điều kiện tạo nên chủ đề tác phẩm. Nhưng sự khác nhau giữa văn học và phônclo không phải chỉ có thế. Văn học và phônclo không chỉ khác nhau về mặt hình thành, mà còn khác nhau cả về hình thức tồn tại, hình thức lưu hành.

Người ta đã biết từ lâu rằng văn học truyền bá bằng con đường chữ viết, còn phônclo thì bằng con đường truyền miệng. Sự khác nhau ấy cho đến nay vẫn được coi là sự khác nhau về mặt kĩ thuật. Trong khi đó thì sự khác nhau ấy thực ra lại có ý nghĩa thuộc về bản chất của hiện tượng. Nó chỉ rõ cuộc sống khác nhau một cách sâu sắc của hai loại hình sáng tác đó. Tác phẩm văn học một khi đã ra đời thì không biến đổi nữa. Nó được cố định giữa sự hiện diện của hai chiều : một là tác giả, người xây dựng nên tác phẩm và hai là độc giả. Khâu trung gian giữa hai cái đó là sách, là bản thảo viết tay, hay là sự trình diễn. Nếu tác phẩm văn học là không thay đổi, thì ngược lại độc giả lại luôn luôn thay đổi. Đọc sách Arixôt, có người Hy Lạp cổ đại, người Ả-rập, có các nhà nhân đạo chủ nghĩa, có cả chúng ta nữa, song tất cả đều đọc và hiểu Arixôt không giống nhau. Độc giả chân chính bao giờ cũng đọc một cách sáng tạo. Tác phẩm văn học có thể khiến người đọc vui sướng, cảm phục hay phẫn nộ.

Người đọc thường muốn hòa mình vào số phận của nhân vật, muốn khen thưởng hoặc trừng phạt nhân vật, muốn biến đổi số phận bi thảm của nhân vật thành một số phận sung sướng, còn đối với nhân vật ác mà lại thắng lợi thì muốn treo cổ nó lên. Nhưng người đọc dù có chịu sự tác